TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 129/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 25 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 48, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 và Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 788/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Trí T, sinh năm 1989

- Bà Vũ Thị T, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đ.

Cùng cư trú: B04-008 chung cư L, số 528 đường H, khu phố 3A, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15/3/2019, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề trong việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cụ thể:

[Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trí T và bà Vũ Thị T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 183, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Đ cấp ngày 13/9/2013)].

[Về con chung: Ông Nguyễn Trí T và bà Vũ Thị T xác định có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Duy T, sinh ngày 28/06/2014. Hai bên thỏa thuận bà Vũ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ T. Việc cấp dưỡng cho con do ông T và bà T tự thỏa thuận].

[Về tài sản chung: Ông Nguyễn Trí T và bà Vũ Thị T tự thỏa thuận; về nợ chung: Ông T và bà T xác định không có].

[Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Trí T và bà Vũ Thị T chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng].

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trí T và bà Vũ Thị T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 183, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Đ cấp ngày 13/9/2013).

- Về con chung: Ông Nguyễn Trí T và bà Vũ Thị T xác định có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Duy T, sinh ngày 28/06/2014. Hai bên thỏa thuận bà Vũ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ T. Việc cấp dưỡng cho con do ông T và bà T tự thỏa thuận.

Ông Nguyễn Trí T có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, và giáo dục con chung là trẻ Nguyễn Vũ Duy T. Vì quyền, lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Trí T và bà Vũ Thị T tự thỏa thuận; về nợ chung: Ông T và bà T xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Trí T và bà Vũ Thị T chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0026343 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T và bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Đương sự;
- UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đ (GCNKH số 183, quyển số 02 đăng ký ngày 13/9/2013);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự. (TK *Thu*)

THẨM PHÁN

Phạm Văn Thạnh